|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**CỤC CÔNG NGHIỆP****CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**Số: /TTr-CNCNTT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO**

##### TỜ TRÌNH

**Dự thảo Thông tư quy định về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số**

**được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu trong thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng vốn ngân sách nhà nước**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng |

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cục Công nghiệp CNTT (sau đây viết tắt là Cục CNCNTT) kính trình Bộ trưởng dự thảo Thông tư quy định về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu trong thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng vốn ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là dự thảo Thông tư) như sau:

# I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

## 1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Luật Công nghiệp công nghệ số quy định:

Khoản 1 Điều 31 quy định: *“Các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đáp ứng quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thì được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu”.*

- Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 14/7/2025 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9 và Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 09/9/2025 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số, theo đó, Bộ Khoa học và Công nghệ được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng Thông tư quy định về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu trong thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng vốn ngân sách nhà nước, thời hạn ban hành là trước 15/11/2025.

Như vậy, việc xây dựng, ban hành Thông tư có cơ sở chính trị, pháp lý phù hợp, đúng thẩm quyền, phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

## 2. Cơ sở thực tiễn

*(i) Tạo thị trường cho công nghiệp công nghệ số*, đ*áp ứng yêu cầu về phát triển ngành công nghiệp công nghệ số trong thời kỳ mới*

Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, việc chuyển đổi số diễn ra từ các cơ quan Chính phủ đến doanh nghiệp và cả người dân, thị trường cho phát triển công nghệ số là rất lớn.

Tạo thị trường đủ lớn, ổn định cho công nghiệp công nghệ số “Make in Viet Nam” - hình thành và mở rộng thị trường mua sắm trong nước (cơ quan nhà nước, DNNN, y tế–giáo dục, địa phương, doanh nghiệp tư nhân) và đặc biệt thị trường mua sắm chính phủ đóng vai trò “khách hàng lớn”.

Thúc đẩy phát triển sản phẩm công nghệ số thiết kế, sản xuất trong nước khuyến khích gia tăng giá trị cốt lõi trong các sản phẩm công nghệ số. Do đó, cần phải có những quy định, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước nghiên cứu, thiết kế, sản xuất sản phẩm Make in Viet Nam bảo đảm chất lượng để nắm bắt thị trường trong nước, đồng thời cần có những quy định ưu đãi các sản phẩm Make in Viet Nam, qua đó thúc đẩy phát triển thị trường công nghệ số, tạo cầu thị trường nội địa, kéo doanh nghiệp Việt đầu tư R&D, tăng tỷ lệ giá trị tạo ra trong nước, nâng năng lực cạnh tranh và mở rộng ra thị trường khu vực/quốc tế.

(ii) Thúc đẩy phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sản xuất trong nước, thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Thúc đẩy các doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, sáng tạo, làm chủ công nghệ và phát triển sản xuất.

Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sản xuất trong nước theo hướng lấy R&D và làm chủ công nghệ làm nền tảng, qua đó thương mại hóa mạnh mẽ các kết quả nghiên cứu, giải pháp, nền tảng “Make in Vietnam” để phục vụ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Tập trung khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, sáng tạo, làm chủ thiết kế–mã nguồn–dữ liệu–thuật toán, nâng tỷ lệ giá trị tạo ra trong nước, chuẩn hóa chất lượng và an toàn, an ninh mạng; hình thành chuỗi cung ứng nội địa vững, gia tăng quy mô thị trường và năng lực cạnh tranh. Hướng tới mục tiêu tạo cầu thị trường ổn định từ mua sắm công, mở rộng tiêu thụ trên thị trường trong nước, tiến tới xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ số; góp phần nâng cao năng suất, tự chủ công nghệ và vị thế của công nghiệp công nghệ số Việt Nam.

Thúc đẩy R&D và sản xuất trong nước là đòn bẩy để bảo đảm tự chủ – an toàn – hiệu quả chi tiêu công, đồng thời hình thành nền công nghiệp công nghệ số “Make in Vietnam” có sức cạnh tranh khu vực và quốc tế. Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển (R&D) và sản xuất trong nước đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ số nhằm: Tự chủ công nghệ, chủ quyền số: làm chủ thiết kế, mã nguồn, dữ liệu, hạ tầng then chốt; giảm phụ thuộc nhà cung cấp nước ngoài; An ninh, an toàn hệ thống nhà nước; Nâng năng suất và năng lực đổi mới: R&D nội địa tạo tri thức mới, tài sản sở hữu trí tuệ (IP), hình thành nền tảng và công nghệ lõi phục vụ công nghiệp công nghệ số; Thúc đẩy hệ sinh thái doanh nghiệp Việt: tạo thị trường “mồi” từ mua sắm công, kéo theo mạng lưới doanh nghiệp vừa và nhỏ, startup, viện–trường; phát triển chuỗi giá trị trong nước; Gia tăng tỷ lệ giá trị tạo ra tại Việt Nam: tăng nội địa hóa, giữ lại giá trị gia tăng, cải thiện cán cân thương mại và hiệu quả chi tiêu công; Thu hút FDI chất lượng cao & chuyển giao công nghệ: năng lực nội địa mạnh giúp đàm phán tốt hơn, buộc liên kết – chuyển giao thực chất, hình thành trung tâm R&D khu vực; Khả năng chống chịu trước khủng hoảng: chủ động nguồn cung, linh hoạt thay thế linh kiện/phần mềm, đảm bảo liên tục dịch vụ công khi đứt gãy chuỗi cung ứng; Nâng vị thế và năng lực cạnh tranh quốc gia: tạo thương hiệu “Make in Vietnam”, mở rộng xuất khẩu dịch vụ số, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị công nghệ toàn cầu.

 *(ii) Tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số với các chính sách ưu đãi thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số*

Luật Công nghiệp công nghệ số (71/2025/QH15) được Quốc hội ban hành ngày 14/6/2025 là một khuôn khổ pháp lý quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số của Việt Nam. Trong đó, một trong các điểm quan trọng là *“Các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đáp ứng quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thì được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu”.*

Do đó, việc xây dựng Thông tư quy định về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu trong thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng vốn ngân sách nhà nước đóng vai trò và cơ sở pháp lý quan trọng để xác định các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật Đấu thầu.

*(iii) Nguyên tắc xây dựng Thông tư quy định về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu trong thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng vốn ngân sách nhà nước*

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích và đánh giá tình hình thị trường công nghệ số, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp công nghệ số, ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị và tham khảo các văn bản, tài liệu liên quan đến đầu tư, mua sắm sản phẩm sản xuất trong nước, các quy định về quản lý sản phẩm CNTT, công nghệ số của Bộ, dự thảo Thông tư được xây dựng dựa trên việc đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trong nước, thống nhất và đồng bộ, tránh chồng chéo với các hệ thống VBQPPL liên quan khác;

- Phù hợp với luật pháp quốc tế và các hiệp định liên quan đến mua sắm bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã được ký kết giữa Việt Nam và quốc tế; các Hiệp định mà Việt Nam đang tiến hành đàm phán để tham gia;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong việc đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số;

- Hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, phát triển và sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường cho các doanh nghiệp trong nước, tạo đà cho các doanh nghiệp trong nước phát triển để tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao hơn.

# II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG

## 1. Mục đích ban hành

- Quy định quy định về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu trong thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

- Làm căn cứ pháp lý để áp dụng chính sách ưu đãi về lựa chọn nhà thầu trong thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

## 2. Quan điểm xây dựng

- Quy định quy định về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu trong thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng vốn ngân sách nhà nước được xây dựng trên cơ sở các chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số quốc gia, phát triển công nghiệp công nghệ số. Đồng thời, có sự tham khảo kinh nghiệm quốc tế của một số quốc gia có các chính sách phát triển công nghiệp công nghệ số (Trung Quốc, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Ấn Độ…).

- Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, sản xuất trong nước, hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước làm chủ thị trường trong nước và vươn ra quốc tế.

# III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Thực hiện quy định về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Cục CNCNTT đã triển khai các công việc sau:

1. Tham mưu Bộ trình Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 09/9/2025 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số, theo đó, Bộ Khoa học và Công nghệ được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng Thông tư quy định về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu trong thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng vốn ngân sách nhà nước, thời hạn ban hành là trước 15/11/2025.

2. Trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ ban hành Kế hoạch xây dựng dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật Công nghiệp công nghệ số (Quyết định số 2720/QĐ-BKHCN ngày 17/9/2025) trong đó có nhiệm vụ xây dựng Thông tư quy định về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu trong thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng vốn ngân sách nhà nước, thời gian hoàn thành trước ngày 15/11/2025.

3. Tham mưu, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ soạn thảo xây dựng ban hành Thông tư quy định về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu trong thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng vốn ngân sách nhà nước (Quyết định số 2180/QĐ-BKHCN ngày 13/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

4. Soạn thảo dự thảo Thông tư và các hồ sơ kèm theo; tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các bộ, ngành, đối tượng chịu sự tác động của dự thảo Thông tư (văn bản số /BKHCN-CNCNTT ngày /10/2025). Đăng tải toàn văn dự thảo Tờ trình, dự thảo Thông tư và các tài liệu có liên quan trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ. Tổng hợp và tiếp thu, có giải trình các ý kiến góp ý tham gia xây dựng dự thảo Thông tư.

5. Phối hợp với Vụ Pháp chế tổ chức thẩm định nội dung của dự thảo Thông tư theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Báo cáo thẩm định số /BC-PC ngày / /2025). Tổng hợp và tiếp thu, có giải trình đầy đủ ý kiến thẩm định để hoàn thiện dự thảo Thông tư.

6. Xin ý kiến tập thể Lãnh đạo Bộ và Ban Thường vụ Đảng uỷ Bộ Khoa học và Công nghệ đối với hồ sơ xây dựng dự thảo Thông tư. về dự thảo Thông tư. Tổng hợp và tiếp thu, có giải trình các ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ và Ban Thường vụ Đảng uỷ Bộ Khoa học và Công nghệ để hoàn thiện dự thảo Thông tư.

# IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN

## 1. Bố cục của dự thảo văn bản

Dự thảo Thông tư được bố cục thành 13 điều và 02 Phụ lục, bao gồm:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

- Điều 2. Đối tượng áp dụng.

- Điều 3. Giải thích từ ngữ.

- Điều 4. Sản phẩm, dịch vụ được ưu đãi.

- Điều 5. Tiêu chí chung đối với sản phẩm, dịch vụ được ưu đãi.

- Điều 6, 7, 8, 9. Tiêu chí cụ thể đối với sản phẩm phần cứng, phần mềm, nội dung số, dịch vụ công nghệ số được ưu đãi.

- Điều 10. Thực hiện thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

- Điều 12. Tổ chức thực hiện.

- Điều 13. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

- Phụ lục I: Bảng kê chi phí sản xuất và công thức tính giá trị gia tăng nội địa tại Việt Nam.

- Phụ lục II: Tổng hợp tình hình thực hiện thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

## 2. Nội dung cơ bản

Dự thảo Thông tư được xây dựng trên cơ sở có kế thừa, chọn lọc một số nội dung của Thông tư số 40/2020/TT-BTTTT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chí xác định sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm; Tham khảo kinh nghiệm quốc tế của một số nước (Ấn Độ, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Indonesia) trong việc ưu đãi sản phẩm sản xuất trong nước; Tham khảo phương pháp tính chi phí sản xuất trong nước cho sản phẩm, hàng hóa để được ưu đãi trong đấu thầu của Bộ Tài chính, cách tính Tỷ lệ Phần trăm giá trị nội địa để xác định xuất xứ của Bộ Công Thương; Trao đổi, làm việc với một số Hội, Hiệp hội về CNTT, doanh nghiệp công nghệ số trong việc đưa ra tiêu chí xác định sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được ưu đãi.

Các nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư như sau:

**Sản phẩm, dịch vụ được ưu đãi:** Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số (phần cứng, phần mềm, nội dung số và dịch vụ công nghệ số) được hưởng ưu đãi phải đáp ứng đồng thời tiêu chí chung và tiêu chí riêng cho mỗi loại sản phẩm, dịch vụ.

**Tiêu chí chung đối với sản phẩm, dịch vụ được ưu đãi:** Tiêu chí xác định sản phẩm, dịch vụ là của tổ chức, cá nhân Việt Nam; sản phẩm, dịch vụ phải được công bố và cập nhật trên Hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số; Đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ số chuyên ngành, cơ quan quản lý chuyên ngành ban hành tiêu chí bổ sung theo thẩm quyền để đáp ứng yêu cầu đặc thù của ngành, lĩnh vực.

**Tiêu chí cụ thể đối với sản phẩm phần cứng, phần mềm, nội dung số, dịch vụ công nghệ số được ưu đãi:** Đưa ra tiêu chí quy định giá trị gia tăng nội địa của sản phẩm, dịch vụ phải đạt từ 50% trở lên: ví dụ đối với sản phẩm phần cứng “Sản phẩm được nghiên cứu, thiết kế, sản xuất tại Việt Nam với ít nhất 50% giá trị gia tăng nội địa của sản phẩm được tạo ra tại Việt Nam, trong đó phải bao gồm chi phí lao động trong nước, nguyên liệu và hoạt động R&D tại Việt Nam”. Công thức tính giá trị gia tăng nội địa được tính trên cơ sở liệt kê các chi phí trong nước và chi phí nước ngoài để tính ra tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa.

**Thực hiện thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số:** Yêu cầu các cơ quan, tổ chức khi thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phải ưu tiên thuê, mua sắm các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số do các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất, cung cấp dịch vụ; Không đưa ra các yêu cầu, điều kiện, tính năng mang tính chỉ định cho sản phẩm, dịch vụ công nghệ số nước ngoài, hoặc có thể dẫn tới việc loại bỏ các sản phẩm, dịch vụ được ưu đãi; Doanh nghiệp tự chứng minh việc đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 4 Thông tư này để được hưởng ưu đãi theo quy định pháp luật đấu thầu và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với thông tin cung cấp.

Dự thảo Thông tư sẽ thay thế cho Thông tư số 40/2020/TT-BTTTT và có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 cùng thời điểm với Luật Công nghiệp công nghệ số.

# V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

# VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

Trường hợp dự thảo Thông tư được ban hành và có hiệu lực không làm tăng biên chế, nguồn nhân lực cơ bản của Cục CNCNTT đáp ứng yêu cầu của công tác triển khai thi hành văn bản.

# VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Thông tư ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm, Cục CNCNTT xin kính trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm theo:

*(1) Dự thảo Thông tư;*

*(2) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Thông tư;*

*(3) Báo cáo thẩm định;*

*(4) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định;*

*(5) Tài liệu khác: Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của tập thể Lãnh đạo Bộ; Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo Thông tư; bản chụp ý kiến góp ý; Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật./.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Các Thứ trưởng (để b/c);- Các đơn vị thuộc Bộ;- Lưu: VT, XT (5). | **CỤC TRƯỞNG****Nguyễn Khắc Lịch** |